TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH B	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 73/2024/HSST
Ngày: 01- 02- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thái

2. Bà Kháng Thị Mai Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Văn Long - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 09/2023/HSST- QĐ ngày 16/01/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lã Quốc P**; Không có tên gọi khác;

Sinh ngày: 10/01/1989; tại tỉnh B;

Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố 4, phường N, thành phố Đ, tỉnh B;

Chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ dân phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh B;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông: Lã Văn H; Con bà: Đỗ Thị N; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: 04 tiền án: Ngày 08/11/2006, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội: "Trộm cắp tài sản". Ngày 28/6/2007, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 06 tháng tù về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt của bản án ngày 08/11/2006 là 11 tháng 07 ngày tù. Ngày 23/3/2008 đã chấp hành xong toàn bộ bản án. Ngày 20/3/2009, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội: "Cướp tài sản". Ngày 10/12/2015 đã chấp hành xong toàn bộ bản án. Ngày 14/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma

tuý". Ngày 07/10/2022 P đã chấp hành xong toàn bộ bản án. Nhân thân: Năm 2004 bị Uỷ ban nhân dân tỉnh B ra Quyết định đưa vào T giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng, đối với hành vi Trộm cắp tài sản. Ngày 01/5/2006 bị cáo chấp hành xong, nên được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 17/8/2023 cho đến ngày xét xử (Có mặt).

- *Bị hại:*

+ Chị Vì Thị N; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường N, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt).

+ Anh Phạm Tiến C; Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường H, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Trần Đình T; Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt).

+ Bà Đỗ Thị N; Địa chỉ: Bản Ten B, xã T, huyện B, tỉnh B (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng hơn 02 giờ ngày 27/4/2023 bị cáo P điều khiển xe máy điện, biển kiểm soát 27MĐ1-002.87 đi quanh thành phố tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến dãy nhà trọ tại tổ 01, phường H, thành phố Đ thấy cổng của dãy nhà trọ không đóng cửa nên bị cáo P đã dựng xe ngoài đường đi bộ vào trong. P quan sát thấy cửa phòng trọ cuối cùng hướng từ ngoài đường vào đang khép hờ nên đẩy nhẹ cửa đi vào thấy anh Phạm Tiến C đang ngủ, ở đầu giường có 02 điện thoại (Trong đó: 01 chiếc Iphone 14 Promax màu vàng, có sim và vỏ ốp và 01 chiếc điện thoại Samsung 10 Plus, màu bạc, có sim và vỏ ốp) có tổng giá trị 27.164.000 đồng của anh C. P lấy 02 chiếc điện thoại trên cất vào túi quần bên phải đang mặc. P thấy trên mặt bàn gỗ gần đó có số tiền 1.600.000 đồng và 01 chiếc nhẫn vàng trang sức của anh C có giá trị 2.500.000 đồng, nên lấy tiền và nhẫn cất vào túi quần sau đang mặc, rồi đi ra khỏi phòng, khép lại cửa như ban đầu và điều khiển xe đi đến Quảng T thành phố, thuộc phường H, P lấy 02 chiếc điện thoại ra tắt nguồn, để tránh bị phát hiện. Sau đó P đã mang bán cho những người không quen biết 02 chiếc điện thoại được 2.550.000 đồng, bán chiếc nhẫn được 1.500.000 đồng. P đã chi tiêu cá nhân hết toàn bộ số tiền bán tài sản trộm cắp và số tiền trộm cắp được.

Lần thứ hai: Cũng với thủ đoạn trên, khoảng hơn 02 giờ ngày 08/8/2023 P điều khiển xe máy điện, biển kiểm soát 27MĐ1-002.87 đến dãy trọ tại tổ 6, phường N, thành phố Đ thì thấy cổng của dãy nhà trọ không đóng cửa nên dựng xe ngoài đường, đi vào trong dãy nhà trọ. P thấy cửa phòng trọ thứ hai hướng từ ngoài đường vào đang mở hé cửa đã đến gần đẩy nhẹ cửa vào trong khoảng 30cm, do có ánh sáng bên

ngoài hắt vào nên nhìn thấy ở nền phòng trọ gần cửa có 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Promax màu vàng kèm sim và vỏ ốp, đang sạc pin, có tổng giá trị 8.125.000 đồng của chị Vì Thị N. P lấy chiếc điện thoại và dây sạc cất vào túi quần đang mặc rồi khép cửa lại như cũ rồi điều khiển xe đi. Trên đường P tắt nguồn điện thoại để tránh bị phát hiện. Đến khu vực tổ 2, phường N, thành phố Đ, P lấy điện thoại vừa trộm cắp được ra kiểm tra, tháo vỏ ốp, sim cất vào túi quần bên phải, còn điện thoại cất vào túi quần bên trái đang mặc, dây sạc P treo ở đầu xe máy điện. Trên đường điều khiển xe về nhà thì P làm rơi vỏ ốp, sim và dây sạc. Khoảng 11 giờ cùng ngày P liên lạc cho Trần Đình T, sinh năm 1993, trú tại tổ 4, phường T, thành phố Đ để đặt vấn đề bán chiếc điện thoại đã trộm cắp được. P nói dối là điện thoại của mình bị quên mật khẩu nên muốn bán và bảo T đến nhà P để xem điện thoại. T đồng ý và đến xem, sau khi kiểm tra điện thoại T mua giá 1.500.000 đồng. Sau đó, T đã tháo máy điện thoại và bán rời linh kiện cho những người không quen biết. Ngày 16/8/2023 P bị triệu tập đến Cơ quan cảnh sát điều tra để làm việc, P khai nhận đã khai nhận hành vi phạm tội, và giao nộp số tiền còn 400.000 đồng còn lại, P đã chi tiêu cá nhân hết 1.100.000 đồng.

Bản kết luận định giá số 37/KL ngày 16/8/2023, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đ, tỉnh B kết luận: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu vàng, dung lượng 64GB, 01 vỏ ốp bằng nhựa màu xanh, 01 sạc điện thoại có giá: 8.100.000 đồng, 01 sim điện thoại số 0385.446.561 có giá 25.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp của chị N là: 8.125.000 đồng.

Bản kết luận định giá số 34/KL ngày 29/6/2023, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đ, tỉnh B kết luận: 02 sim điện thoại có giá 50.000 đồng; Bản kết luận định giá số 41/KL ngày 12/9/2023, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đ, tỉnh B kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu vàng có giá: 26.490.000 đồng, 01 nhẫn vàng 10k, khối lượng 01 chỉ có giá: 2.500.000 đồng; Bản kết luận định giá số 55/KL ngày 07/11/2023, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đ, tỉnh B kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung 10 Plus có giá 2.699.000 đồng; Bản kết luận định giá số 56/KL ngày 13/11/2023, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đ, tỉnh B kết luận: 01 ốp lưng điện thoại di động Iphone 14 Promax màu trắng có giá: 490.000 đồng, 01 ốp lưng điện thoại di động Samsung 10 Plus có giá 84.000 đồng; Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp của anh C là: 31.264.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 207/CT-VKSTPĐBP ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Lã Quốc P về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội: Trộm cắp tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52/BLHS. Xử phạt bị cáo 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù;

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải bồi thường cho anh C số tiền là: 40.000.000 đồng, chị N số tiền 8.125.000 đồng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí có giá ngạch.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị hại chị N yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị N tổng số tiền 8.125.000 đồng, anh C yêu cầu bị cáo phải bồi thường 40.000.000 đồng, bị cáo nhất trí bồi thường số tiền này cho anh C, chị N. Anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 1.500.000 đồng đã bỏ ra mua điện thoại, bị cáo nhất trí.

Bị cáo không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và những người liên quan khác cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản lấy lời khai, biên bản hiện T, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự….Do đó, có đủ cơ sở khẳng định:

Vào các ngày 27/4/2023, và 08/8/2023 tại khu vực phường H và phường N, thành phố Đ, tỉnh B Lã Quốc P đã có hành vi lén lút bí mật chiếm đoạt tài sản của anh Phạm Tiến C với tài sản có giá trị 31.264.000 đồng và chiếm đoạt tài sản của chị Vì Thị N với tài sản có giá trị 8.125.000 đồng. Tổng giá trị bị cáo đã trộm cắp là 39.389.000 đồng, mục đích để tiêu sài cá nhân.

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn phường H, phường N nói riêng, thành phố Đ nói chung, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173/BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Với tổng số tiền mà bị cáo trộm cắp là 39.389.000 đồng, thì bị cáo chỉ bị truy tố ở khoản 1 Điều 173/BLHS, có khung hình phạt tù từ 6 tháng đến 03 năm. Tuy nhiên, bị cáo đã tái phạm chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên bị cáo bị truy tố, xét xử theo quy định tại điểm g "Tái phạm nguy hiểm" theo khoản 2 Điều 173/BLHS.

[2]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy

rằng: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã 02 lần có hành vi trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52/BLHS. Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Năm 2004 bị Uỷ ban nhân dân tỉnh B ra Quyết định đưa vào T giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng, đối với hành vi Trộm cắp tài sản. Ngày 01/5/2006 bị cáo chấp hành xong, nên được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người đã từng bị chấp hành nhiều bản án bằng hình phạt tù, nhưng khi trở về địa phương, không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bản thân bị cáo là người nghiện ma túy, có nhân thân xấu. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài, để bị cáo có thời gian cai nghiện và cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Với giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp là 39.389.000 đồng, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, thì mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173/BLHS, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập gì, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Vật chứng: 01 que chọc sim điệm thoại màu trắng bị cáo dùng làm công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu huỷ. Số tiền 400.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có, nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe máy điện, biển kiểm soát 27MĐ1-002.87, quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của bà Đỗ Thị N. Bà N không biết việc bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà N, xét việc trao trả này của cơ quan điều tra là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bồi thường dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị hại chị N yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị N tổng số tiền 8.125.000 đồng, anh C yêu cầu bị cáo phải

bồi thường 40.000.000 đồng, bị cáo nhất trí bồi thường số tiền này cho anh C, chị N. Anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 1.500.000 đồng đã bỏ ra mua điện thoại, bị cáo nhất trí bồi thường toàn bộ số tiền cho anh C, chị N. Chị N và bị cáo đều đề nghị Toà án ghi nhận việc bồi thường thiệt hại.

[6]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/ BLTTHS, điểm a, điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 2.000.000 đồng đối với số tiền 40.000.000 đồng mà anh C yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 8.125.000 đồng mà chị N yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38/BLHS.

- Tuyên bố bị cáo Lã Quốc P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Lã Quốc P 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (17/8/2022).

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải trả cho anh Phạm Tiến C; Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường H, thành phố Đ, tỉnh B số tiền 40.000.000 đồng.

Ghi nhận sự thoả thuận của bị cáo với chị Vì Thị N; Bị cáo phải trả cho chị Vì Thị N; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường N, thành phố Đ, tỉnh B số tiền 8.125.000 đồng.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/ BLTTHS, điểm a, điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí có giá ngạch là: 2.000.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333/BLTTHS, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/02/2024), bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- VKSND TPĐBP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Trại tạm giam, Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh B;
- HS Thi hành án HS;
- Lưu HS;
- L-u VP.

Đào Thị Thúy Thành